

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19-9-2019

V/v: Kiện xin ly hôn

và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Chi.

2. Bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu T – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1990.

Bị đơn: Anh Hoàng Cao C, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị T, anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Hoàng Cao C kết hôn hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 16 tháng 01 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận được một khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính

tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau, mặt khác từ sau khi chị T sinh con thứ hai giữa mẹ chồng nàng dâu không tìm được tiếng nói chung, anh C không có công việc ổn định nên chị T là người phải lo kinh tế cho cả gia đình. Nay chị T xác định đã sống ly thân với anh C từ tháng 7 năm 2018 đến nay và không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh C cùng thống nhất, vợ chồng có bốn con chung đều là con gái: Hoàng Thu Th, sinh ngày 14/10/2010; Hoàng Thu Y, sinh ngày 10/12/2013; Hoàng Thu A, sinh ngày 10/12/2013 và Hoàng Thu A1, sinh ngày 20/11/2017. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng xin được nuôi cả bốn con chung và chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị T hiện đang làm tại Công ty TNHH may Đ, địa chỉ: thôn 2, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam với mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh Hoàng Cao C tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2019 thể hiện: Anh C thừa nhận thủ tục kết hôn, điều kiện kết hôn như chị T khai là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống giữa nàng dâu với mẹ chồng. Anh C thừa nhận có đánh chị T và chị T đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn. Về con chung, anh C không đề nghị Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh C đều vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Chị có nguyện vọng xin được nuôi cả bốn con chung của vợ chồng. Anh C vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

-Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Hoàng Cao C.

2/ Về con chung: Giao cháu Hoàng Thu Th, sinh ngày 14/10/2010 cho anh C và giao các cháu Hoàng Thu Y, sinh ngày 10/12/2013; Hoàng Thu A, sinh ngày 10/12/2013 và Hoàng Thu A1, sinh ngày 20/11/2017 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử (HĐXX), thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Hoàng Cao C khi mở phiên tòa lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt

không có lý do. Nên Tòa xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

* Về nội dung:

[3] Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Hoàng Cao C là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng chị T và anh C đã có một thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị T cho rằng nguyên nhân do mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, do chị T không sinh được con trai và về vấn đề kinh tế, còn nguyên nhân anh C đưa ra là do giữa chị T và mẹ anh có mâu thuẫn, chị T đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Tuy nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của anh chị khai có khác nhau nhưng anh chị đều công nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay là sự thật, được đôi bên thừa nhận. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, Tòa án và HĐXX đã phân tích, khuyên bảo chị T về đoàn tụ, nhưng chị T vẫn C quyết xin được ly hôn với anh C. Thực tế cho thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh C đã không còn tồn tại, anh C mặc dù xin đoàn tụ nhưng quá trình hòa giải tại địa phương và Tòa án, anh vắng mặt không có lý do. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh C không đạt được mục đích hôn nhân hạnh phúc, tiến bộ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó HĐXX căn cứ vào Điều 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị T và anh C là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có bốn con chung đều là con gái: Hoàng Thu Th, sinh ngày 14/10/2010; Hoàng Thu Y, sinh ngày 10/12/2013; Hoàng Thu A, sinh ngày 10/12/2013 và Hoàng Thu A1, sinh ngày 20/11/2017. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị T, HĐXX thấy: Nguyên vọng xin nuôi con chung của chị là chính đáng, chị T có thu nhập và đảm bảo điều kiện nuôi con chung, anh C không có công việc ổn định, do đó HĐXX thấy rằng cần giao cháu Hoàng Thu Th, sinh ngày 14/10/2010 (con gái) cho anh C nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục và giao các cháu Hoàng Thu Y, sinh ngày 10/12/2013; Hoàng Thu A, sinh ngày 10/12/2013 và Hoàng Thu A1, sinh ngày 20/11/2017 (đều là con gái) cho chị T nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục là phù hợp.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cho nhau là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 143; 144; 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Hoàng Cao C.

2/ Về con chung: Giao anh Hoàng Cao C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Hoàng Thu Th, sinh ngày 14/10/2010 (con gái). Giao chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là Hoàng Thu Y, sinh ngày 10/12/2013; Hoàng Thu A, sinh ngày 10/12/2013 và Hoàng Thu A1, sinh ngày 20/11/2017 (đều là con gái). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

3/ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị T được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002083 ngày 09/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã P,
- TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Phạm Duy